

Số: 988 /2008/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 16 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm
trưởng phòng, phó trưởng phòng các cơ quan chuyên môn thuộc

WEBSITE CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 2860

Ngày 19 tháng 5 năm 2008

Kính chuyển: Căn cứ

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày
26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung ngày
29/4/2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của
Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 181/TTr-SNV ngày
05/5/2008 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 49/BC-STP ngày 02/5/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, điều kiện
để bổ nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy
ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ
tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn
vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc;
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP7.

S59

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã
(Ban hành kèm theo Quyết định số **988** /2008/QĐ-UBND ngày **16/5/2008** của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đối với người được xét đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ trưởng phòng, chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, chánh thanh tra, phó trưởng phòng, phó chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, phó chánh thanh tra (sau đây gọi là trưởng phòng, phó trưởng phòng) các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và đối với cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc bổ nhiệm

1. Trưởng phòng, phó trưởng phòng được bổ nhiệm phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể tại Quy định này.
2. Bổ nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và đảm bảo sự ổn định, có tính kế thừa phát triển của đội ngũ công chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và đảm bảo đúng số lượng theo quy định.

Chương II QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỦA TRƯỞNG PHÒNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Điều 4. Phẩm chất chính trị

1. Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng.
2. Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, không tham nhũng và cương quyết đấu tranh chống tham nhũng, trung thực, thẳng thắn, có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình.



3. Đoàn kết, dân chủ, được tập thể tín nhiệm gắn bó, liên hệ mật thiết với nhân dân, được nhân dân nơi cư trú tín nhiệm.

4. Có ý thức tổ chức kỷ luật, bản thân và gia đình chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước.

5. Gương mẫu chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan.

Điều 5. Trình độ

1. Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành được đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác được giao phụ trách (*theo danh mục trình độ đào tạo chuyên môn đính kèm*); ưu tiên bổ nhiệm những người có trình độ sau đại học, những người là nữ, đồng bào dân tộc ít người.

2. Có trình độ trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên.

3. Đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý Nhà nước (chương trình chuyên viên trở lên) hoặc quản lý chuyên ngành.

4. Có chứng chỉ trình độ B trở lên 1 trong 5 ngoại ngữ (Nga, Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc).

5. Có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

Điều 6. Năng lực

1. Có khả năng xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình; biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Có khả năng nghiên cứu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

3. Có năng lực tham mưu, đề xuất các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ với lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; tiếp thu ý kiến chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện.

4. Có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của cơ quan mình; có khả năng quy tụ, đoàn kết cán bộ, công chức trong cơ quan mình để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn, chuyên ngành được giao.

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

Điều 7. Hiểu biết

1. Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được giao;

2. Nắm vững các kiến thức cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, các văn bản quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

3. Hiểu biết về nghiệp vụ quản lý thuộc lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được giao; có kinh nghiệm tổ chức, quản lý, điều hành.



4. Am hiểu tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương; nắm được những vấn đề lớn về tình hình chính trị, kinh tế-xã hội của đất nước; quan tâm đến diễn biến chính trị của các nước trong khu vực và thế giới.

Điều 8. Điều kiện, tiêu chuẩn khác

1. Tuổi bổ nhiệm theo quy định của Chính phủ;
2. Không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.
3. Có sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Quy định số lượng trưởng phòng, phó trưởng phòng

Mỗi phòng có trưởng phòng phụ trách và có thể có phó trưởng phòng; việc bổ nhiệm phó trưởng phòng phải tuân theo nguyên tắc chỉ những phòng có từ 04 công chức trở lên mới bổ nhiệm 01 phó trưởng phòng, có 08 công chức trở lên và có nhiều lĩnh vực công tác được bổ nhiệm 02 phó trưởng phòng. Tổng số lãnh đạo mỗi phòng không quá 03 người.

Chương III TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA TRƯỞNG PHÒNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể của trưởng phòng

1. Tiêu chuẩn về thực hiện chức trách, nhiệm vụ

a. Trưởng phòng chuyên môn là công chức đứng đầu một cơ quan chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách.

b. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng quy chế làm việc, chế độ thông tin, báo cáo của cơ quan chuyên môn mình phụ trách và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế đó.

c. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, gây thiệt hại trong cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý của mình.

d. Có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở quản lý ngành, lĩnh vực về tổ chức, hoạt động của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi được yêu cầu, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị-xã hội cùng cấp để giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Điều kiện để bổ nhiệm

Đã được bổ nhiệm giữ chức vụ phó trưởng phòng hoặc đã là lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng các công ty nhà nước, từ 02 năm trở lên.



Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể của phó trưởng phòng

1. Tiêu chuẩn về thực hiện chức trách, nhiệm vụ

Phó trưởng phòng chuyên môn là người giúp trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi trưởng phòng vắng mặt 01 phó trưởng phòng được trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của cơ quan chuyên môn mình.

2. Điều kiện để bổ nhiệm

Là công chức có thời gian làm công tác quản lý nhà nước ở ngạch chuyên viên từ 03 năm trở lên (*không kể thời gian tập sự, dự bị*) hoặc đã là lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng các công ty nhà nước. Những người không phải lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng các công ty nhà nước, lực lượng vũ trang chuyển sang thì phải có thời gian làm công tác quản lý nhà nước ở ngạch chuyên viên ít nhất 01 năm trở lên.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng để tiến hành quy trình bổ nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng các cơ quan chuyên môn theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện.

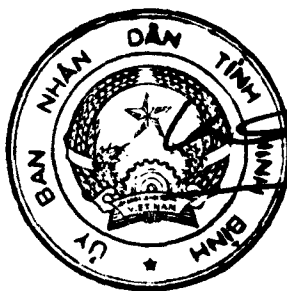
Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện quy định này thì được khen thưởng, nếu tổ chức cá nhân nào vi phạm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc có những vấn đề chưa phù hợp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Thắng



DANH MỤC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO, CHUYÊN MÔN CỦA
TRƯỞNG PHÒNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
THUỘC UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ
Ban hành kèm theo Quyết định số 988 /2008/QĐ-UBND
ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Số TT	Tên phòng	Yêu cầu trình độ (tốt nghiệp đại học trở lên)
1	Phòng Nội vụ	Đại học các chuyên ngành
2	Phòng Tư pháp	Đại học các chuyên ngành Luật; Cử nhân hành chính
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Đại học các chuyên ngành Kinh tế, Tài chính, Kế toán, Ngân hàng
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Đại học chuyên ngành Quản lý đất đai, Nông hoá thổ nhưỡng, Môi trường, Mỏ, Địa chất, Khí tượng, Thủy văn
5	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Đại học các chuyên ngành Lao động xã hội; chuyên ngành Kinh tế lao động, Bảo hộ lao động, Bảo hiểm
6	Phòng Văn hoá và Thông tin	Đại học các chuyên ngành Văn hoá, Thể thao, Du lịch, Báo chí
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Đại học các chuyên ngành Sư phạm
8	Phòng Y tế	Đại học các chuyên ngành Y - Dược
9	Phòng Kinh tế	Đại học các chuyên ngành Kinh tế, Quản trị Kinh doanh, Thương mại, Ngoại Thương, Kỹ thuật công nghiệp
10	Phòng Quản lý đô thị	Đại học các chuyên ngành ngành Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông
11	Phòng Công thương	Đại học các chuyên ngành Thương mại, Ngoại Thương, Kỹ thuật công nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông
12	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học các chuyên ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi
13	Phòng Kinh tế biển	Đại học các chuyên ngành Thủy sản (áp dụng đối với huyện Kim Sơn)
14	Phòng Dân tộc và Tôn giáo	Đại học các chuyên ngành (áp dụng đối với huyện Nho Quan)
15	Thanh tra huyện	Đại học các chuyên ngành
16	Văn phòng HĐND&UBND	Đại học các chuyên ngành

Số: 1059/2008/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 28 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v Mức hỗ trợ cụ thể đối với trường hợp thu hồi đất nhận giao khoán
quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP
ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và
tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

WEBSITE CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 3475

Ngày 28 tháng 5 năm 2008

Kính chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 52/TTr-STC-GCS ngày 06/5/2008 và Báo cáo số 53/BC-STP ngày 21/5/2008 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức hỗ trợ cụ thể đối với trường hợp thu hồi đất nhận giao khoán quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất là 20% giá đất nông nghiệp bị thu hồi tại thời điểm thu hồi đất.

Diện tích đất được hỗ trợ là diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 69 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp; Thủ trưởng

các ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp
- Website Chính phủ; /
- Công báo UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, VP3, VP4, VP5;

tt/06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Trị